TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-3-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà: **Đặng Thị Lệ**.
2. Bà: **Nguyễn Thị Hồng Thắm.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020, về tranh chấp *"ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T** – sinh ngày: 12/7/1970 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D** – sinh năm: 1970 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, thị trấn V, huyện L, tỉnh V.

NỘI DNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2020 trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D do mai mối rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới ngày 16/10(âl)/1988 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình bên chồng được 08 tháng sau đó vợ chồng chị ra sống riêng tự lập. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 27 năm đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do anh D thường hay đi nhậu về kiếm chuyện chưởi, đánh chị, sau đó chị có khuyên nhưng anh D không sửa đổi tính tình ngoài ra anh D còn có người phụ nữ khác bên ngoài. Chị và anh D đã không còn sống chung với nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Chị và anh D có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Mộng H, sinh ngày 09 tháng 12 năm 1990 và cháu Nguyễn Thị Mộng K, sinh ngày 16/6/2002. Cháu H đã thành niên nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu K sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt nhưng tại bản khai ý kiến ngày 02 tháng 3 năm 2020 và trong quá trình tham gia tố tụng anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về mối quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị T về mối quan hệ hôn nhân anh bổ sung thêm mâu thuẫn vợ chồng chị T trình bày anh thường hay đi nhậu cùng bạn bè là không đúng lâu lâu anh mới có đi nhậu khi nhậu về do tính tình nóng nên anh có cự cải với chị T nhưng chỉ là cự cải nhỏ, anh không có người phụ nữ khác bên ngoài, chị T chỉ nghe người khác nói lại. Anh đã đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh 06 tháng nay nhưng cách 02-03 tuần anh vẫn về quê thăm vợ con bình thường, vợ chồng không có mâu thuẫn gì hết. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý mà anh yêu cầu được đoàn tụ.

- Về con chung: Anh và chị T có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Mộng H, sinh ngày 09 tháng 12 năm 1990 và cháu Nguyễn Thị Mộng K, sinh ngày 16/6/2002. Cháu H đã thành niên nên anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu K nếu trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T thì anh D đồng ý giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Anh Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 11/02/2020, Giấy khai sinh (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); Đơn xin xác nhận; Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); Dịch vụ chuyển phát nhanh.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến; Giấy chứng minh nhân dân (bản sao), đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Văn D. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Nguyễn Văn D có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm. Nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn D.

[2] Về nội Dng vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn D là quan hệ hôn nhân không hợp pháp do chị T và anh D không có đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc được 27 năm đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do anh D không chăm lo làm ăn thường hay đi nhậu, khi nhậu về chưởi đánh chị, anh D còn có người phụ nữ khác bên ngoài. Chị T và anh D không còn sống chung từ năm 2018 đến nay. Anh D trình bày vợ chồng chỉ có cự cải nhỏ không đến mức phải ly hôn hiện nay anh đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh nhưng 02-03 tuần anh vẫn về quê vợ chồng vẫn hạnh phúc nên nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh D không đồng ý.

Xét thấy chị T và anh D sống chung với nhau từ năm 1988 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo đơn xác nhận của Ủy ban nhân thị trấn Vũng Liêm ngày 12/02/2020 thì chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn D từ tháng 9 năm 2009 đến nay không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vũng Liêm nên hôn nhân giữa chị T và anh D không có giá trị pháp lý nên không công nhận chị T và anh D là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh D có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Mộng H, sinh ngày 09 tháng 12 năm 1990 và cháu Nguyễn Thị Mộng K, sinh ngày 16/6/2002. Cháu H đã thành niên nên chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu K sau khi ly hôn chị T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Tại bảng khai ý kiến ngày 02/3/2020 của cháu Nguyễn Thị Mộng K thì cháu K có nguyện vọng sống với chị T, anh D đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn D là vợ chồng.

Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn D có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Mộng H, sinh ngày 09 tháng 12 năm 1990 và cháu Nguyễn Thị Mộng K, sinh ngày 16/6/2002. Cháu Nguyễn Thị Mộng H đã thành niên nên chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Nguyễn Thị Mộng K cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Lê Thị T đã nộp theo biên lai thu số N^{0} 0007995, ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Lê Thị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Lanh